

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13/5/2025

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đàm Thị Thanh Loan

Ông Nguyễn Bá Tòng

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Diễm Trinh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 về việc Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm V, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Bà Lê B, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tạm trú: Ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 13/02/2025, quá trình tố tụng nguyên đơn ông Phạm V trình bày:

Về hôn nhân: Ông Phạm V và bà Lê B kết hôn trên tinh thần tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh B và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng ông chung sống hạnh phúc tại xã T, huyện G, tỉnh B. Đến vào khoảng đầu năm 2024 do cuộc sống vợ chồng nhiều bất ổn, hai bên gia đình không hòa hợp, vợ chồng ông thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về kinh tế, bất đồng quan điểm, cách sinh hoạt....quan hệ vợ chồng dần trở nên căng thẳng, tình cảm vợ chồng bắt đầu đi xuống nên vợ chồng ông quyết định ly thân cho đến nay. Dù nhiều lần hòa giải nhưng vẫn không có kết quả, tình cảm vợ chồng ông đã

không thể hàn gắn được nữa. Hiện nay, ông tự nhận thấy cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, ông làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê B. Ông cũng có đơn xin được vắng mặt khi xét xử.

Về con chung: Giữa ông và bà Lê B không có con chung nên không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2/ Bị đơn bà Lê B đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không trình bày ý kiến gửi đến Tòa án, cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa.

3/ Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt là chấp hành đúng quy định triệu tập của Bộ luật Tố tụng dân sự, còn bị đơn vắng mặt không rõ lý do là chưa chấp hành đúng quy định triệu tập của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ và yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho ông Phạm V được ly hôn với bà Lê B. Về con chung: các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về nợ chung, tài sản chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông Phạm V vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Còn bị đơn bà Lê B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Phạm V khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Lê B, bà B hiện nay đang cư trú tại Ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm V và bà Lê B là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ngày 24/6/2009 ông bà đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh B và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Do vậy quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà B là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa ông V và bà B, theo ông V cho rằng khoảng đầu năm 2024 do cuộc sống vợ chồng nhiều bất ổn, hai bên gia đình không hòa hợp, vợ chồng ông thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về kinh tế, bất đồng quan điểm, cách sinh hoạt, quan hệ vợ chồng dần trở nên căng thẳng, tình cảm vợ chồng bắt đầu đi xuống nên vợ chồng ông quyết định ly thân cho đến nay; Dù nhiều lần hòa giải nhưng vẫn không có kết quả, tình cảm vợ chồng ông đã không thể hàn gắn được nữa. Hiện nay, ông tự nhận thấy cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ông y giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà Bích. Quá trình tố tụng Tòa án triệu tập các đương sự tham gia hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng ông bà nhưng ông y có đơn xin vắng mặt và bà B không đến Tòa án tham gia tố tụng. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của ông V và bà B đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, không còn tin tưởng nhau, ông bà cũng đã ly thân với nhau từ năm 2024 đến nay không thể hàn gắn, tình trạng mâu thuẫn giữa anh ông V và bà B là trầm trọng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông V, cho ông V được ly hôn với bà B.

[3] Về con chung: Theo ông Phạm V trình bày giữa ông Phạm V và bà Lê B không có con chung, các đương sự không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc ông Phạm V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009805 ngày 04/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Bà Lê B không phải chịu án phí.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm V.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm V được ly hôn với bà Lê B.

2/ Về con chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí sơ thẩm: Ông Phạm V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009805 ngày 04/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Bà Lê B không phải chịu án phí.

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã T,
- H.G, tỉnh B;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng